

Số : **927** / QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày **08** tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển nguồn kinh phí có mục tiêu ngân sách huyện
năm 2015 sang năm 2016 để thực hiện nhiệm vụ chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2015 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2015; Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2015 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu phát triển năm 2015 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Công văn số 49/PTCKH ngày 08/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi chuyển nguồn các khoản kinh phí có mục tiêu năm 2015 sang năm 2016 để thực hiện nhiệm vụ chi, với tổng số tiền là: **80.612.035.359 đồng** (*Tám mươi tỷ, sáu trăm mười hai triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng*), cụ thể như sau:

- Chuyển nguồn vốn đầu tư: 30.603.654.032 đồng;
- Chuyển nguồn vốn mục tiêu của tỉnh : 6.230.165.231 đồng;
- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 11.692.305.946 đồng;
- Nguồn kinh phí dự phòng chi còn lại: 27.775.407.150 đồng;
- Tiết kiệm KCLP: 4.310.503.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)



Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện chi chuyển nguồn và theo dõi kinh phí nói trên đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

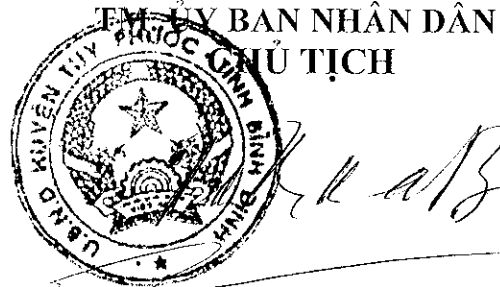
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký .

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Handwritten signature

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu : VT .



Nguyễn Đình Thuận

NGUYỄN ĐÌNH THUẬN

PHỤ LỤC

BÁO CÁO CHI CHUYÊN NGUỒN NĂM 2015 SANG 2016

(Kèm theo Quyết định số: ~~927~~ **927**/QĐ-UBND ngày ~~08~~ **08** /4/2016 của UBND huyện Tuy Phước)

DVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	
A	Thu tiền sử dụng đất huyện hưởng năm 2015	27.408.500.032
a	Ban Quản lý Dự án đề nghị chuyển nguồn các công trình với tổng số tiền	10.103.181.000
1	Trả nợ quyết toán và thanh toán KLHT	218.901.000
2	Kiên cố hóa kênh mương An Thành	854.000
3	Đê biển Nam hạ lưu đập Nha Phu	12.152.000
4	Đê biển hạ lưu đập Nha Phu (GĐII)	236.594.000
5	Đê sông Kôn đoạn hạ lưu tràn 3 xã	833.552.000
6	Xây dựng CSHT khu dân cư chợ Diêu Trì	537.000
7	Trường mầm non TT.Diêu Trì (2015)	136.555.000
8	Trần đội 4 thị trấn Diêu Trì	4.372.000
9	Trường THCS Phước Hưng (nhà bộ môn)	50.000.000
10	Trường THCS Phước Quang (nhà bộ môn)	50.000.000
11	Trường mầm non xã Phước Hòa	50.000.000
12	Kè và đập dâng Mỹ Cang - Phước Sơn	50.000.000
13	Đê thượng hạ lưu đập Thanh Quang - Phước Thắng	50.000.000
14	Đê sông Cây Me (đoạn thượng hạ lưu cầu Đội Thông, Phước Sơn)	50.000.000
15	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 UBND xã Phước Hòa	2.030.000
16	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ Gò Bồi	9.625.000
17	Di tích lịch sử vụ thảm sát Nho Lâm	273.777.000
18	Nâng cấp mở rộng ĐT640 (Đoạn ngã ba Ông Đô đến cuối TT Tuy Phước)	7.500.000.000
19	Đê sông Hà Thanh đoạn Cừ Thuộc	231.081.000
20	Nâng cấp tuyến đường ĐT636B	100.000.000
21	Đê biển hạ lưu đập Nha Phu (GĐI)	143.151.000
22	Gia cố đê sông Hà Thanh (đoạn Vũng Lở)	100.000.000
b	Còn lại UBND huyện được dùng để bố trí cho năm 2016	17.305.319.032
II	NGUỒN VỐN THEO QĐ 28/QĐ-UBND CỦA TỈNH	3.195.154.000
a	Ban Quản lý	156.935.000
1	Sửa chữa Nhà văn hóa huyện	55.206.000
2	Sửa chữa Nhà Văn Chi	100.000.000
3	Kè chống xói lở đê sông Kôn	1.729.000

b	Phòng Tài chính	3.038.219.000
1	Dự án nâng cấp đê Đông và trồng rừng ngập mặn để ứng phó biến đổi khí hậu	1.740.734.000
2	Đối ứng các dự án khác như: Phát triển KHCHN, dự án cạnh tranh NN	758.000.000
3	Hỗ trợ sửa chữa lớn 06 phòng học mẫu giáo bị xuống cấp nặng (đội 6 thôn Diêu Trì, đội 12 thôn Mỹ Điền, Tú thủy, Tùng Giản, Khuông Bình, An Lợi)	20.901.000
4	Hỗ trợ xây dựng công thoát nước Tuyến ĐT 640 (đoạn trước tòa án cũ)	1.000.000
5	Ứng dụng KHCH (năm 2013 sang 2014)	337.000.000
6	Nâng cấp cải tạo kênh tưới phục vụ SX rau, lúa thôn Luật Chánh, Phước Hiệp (DA cạnh tranh nông nghiệp) (năm 2013 sang 2014)	1.584.000
7	Dự án nguồn lợi ven bờ vì sự nghiệp bền vững	63.000.000
8	Sửa chữa đường ĐT636B (Gò Bồi - Bình Định)	116.000.000
III	NGUỒN VỐN MỤC TIÊU CỦA TỈNH (KHÔNG TÍNH CÁC KHOẢN THU ĐÃ CHI HẾT TRONG NĂM)	6.230.165.231
1	Chương trình làm việc và dạy nghề (00256)	3.560.000
2	Chương trình MTQG giáo dục (00118)	19.433.800
3	Kinh phí an toàn giao thông	595.720.000
4	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình giáo dục	307.190.000
5	Hỗ trợ chi phí học tập theo qui định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP	1.320.596.000
6	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 136/2013/NĐ-CP	987.686.250
7	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	74.678.000
8	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ chính sách	1.300.420.000
9	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt theo QĐ 48/2014/QĐ-TTg	1.426.600.000
10	Kinh phí đào tạo nghề nông thôn năm 2015	134.775.000
11	Kinh phí thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện học tập theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	59.520.000
IV	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	11.692.305.946
V	NGUỒN DỰ PHÒNG CHI	27.775.407.150
VI	10% tiết kiệm kiểm chế lạm phát	4.310.503.000
	Tổng cộng	80.612.035.359